

Xu hướng vĩ mô tháng Bảy

Triển vọng kinh tế hồi phục: Kết quả khả quan trong cuối quý 2

Tăng trưởng kinh tế chậm mức thời khủng hoảng

Tăng trưởng kinh tế trong quý 2 đạt mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009, khi chỉ đạt 0.36% n/n.

Đà giảm hoạt động thương mại giảm tốc

Nhìn chung, hoạt động thương mại trong quý 2 chậm đi đáng kể do ảnh hưởng của đại dịch. Tuy nhiên, những con số hồi phục ấn tượng trong tháng 6 cho thấy tiềm năng hồi phục cao trong quý 3.

Điểm sáng của FDI trong 2Q20

Trong quý 2, một số lĩnh vực tăng trưởng vững chắc đang thu hút dòng vốn ngoại kể cả với những hạn chế trong việc nhập cảnh quốc tế và kinh tế tăng trưởng chậm chạp. Quý 3 được dự đoán sẽ là thời điểm FDI bắt đầu tăng tốc cùng với đà hồi phục kinh tế, đặc biệt trong các ngành sản xuất chế biến, bán lẻ, và bất động sản.

Lĩnh vực sản xuất xuất khẩu thúc đẩy IIP

Trong tháng 6, áp lực giảm từ nhu cầu tiêu thụ yếu ở các thị trường xuất khẩu quan trọng đã được giải quyết phần nào khi mà các ngành sản xuất xuất khẩu là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng IIP. Những ngành trên được dự đoán sẽ là các nhân tố chính cho tăng trưởng IIP trong quý 3.

Nội dung

I. Tăng trưởng kinh tế chậm mức thời khủng hoảng	1
II. Đà giảm hoạt động thương mại giảm tốc.....	3
III. Giá năng lượng thúc đẩy CPI tăng trở lại.....	5
IV. Điểm sáng của FDI trong 2Q20	6
V. Lĩnh vực sản xuất xuất khẩu thúc đẩy IIP	8
VI. USD tiếp tục lao dốc	10
VII. Ngân sách thâm hụt nửa đầu năm	12
Bảng điểm vĩ mô.....	13

Chỉ số vĩ mô

	1Q20	2Q20	3Q20F	4Q20F	2019	2020F	2021F
GDP	3.82	0.36	4.15	5.03	7.02	4.32	5.94
Cán cân thương mại	1.73	0.57	5.72	5.06	10.42	7.94	1.77
CPI	4.87	3.17	3.61	3.09	5.23	3.09	2.41
Lãi suất chiết khấu	3.50	3.00	3.00	3.00	4.00	3.00	3.00
VND/USD	23,264	23,206	23,256	23,252	23,231	23,255	23,246
GDP Mỹ	(4.80)	(34.20)	15.00	7.90	2.3	(5.70)	3.90
GDP Trung Quốc	(6.80)	1.10	5.00	6.00	6.10	1.80	8.00

Nguồn: KIS

Ý Nguyễn

y.nt@kisvn.vn

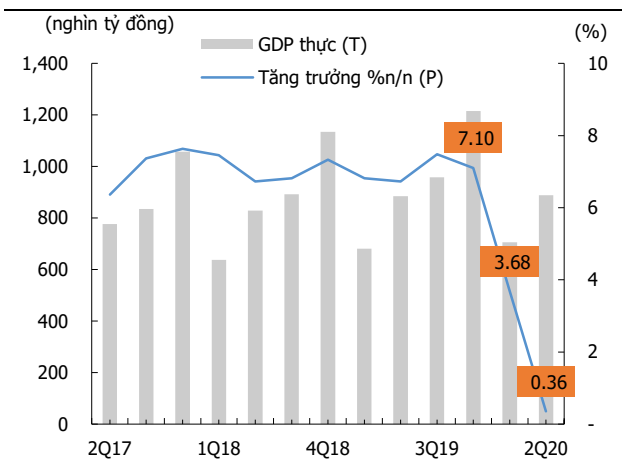
Tuấn Đoàn

tuan.doan@kisvn.vn

I. Tăng trưởng kinh tế chạm mức thời khủng hoảng

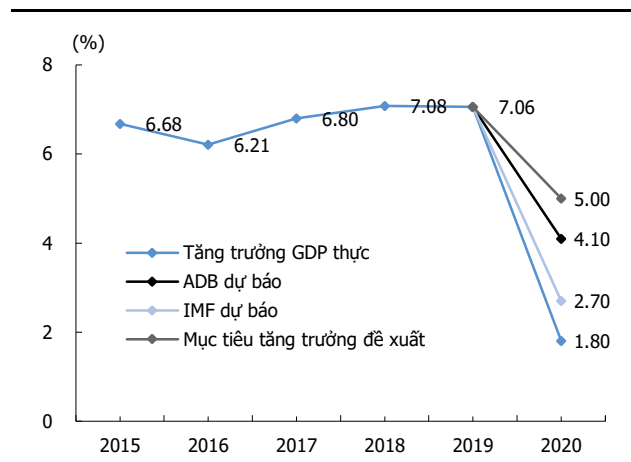
Theo Tổng cục Thống kê (GSO), tăng trưởng GDP thực trong 2Q20 chỉ đạt 0.36% n/n, là mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Tăng trưởng kinh tế trong 2 quý đầu năm liên tục giảm tốc ở mức báo động, đặc biệt trong quý 2, cho thấy tình hình kinh tế trong kỳ này tệ hơn nhiều so với quý đầu năm, phần lớn là do lệnh cách ly xã hội trong gần suốt tháng 4.

Hình 1. GDP thực



Nguồn: KIS, GSO

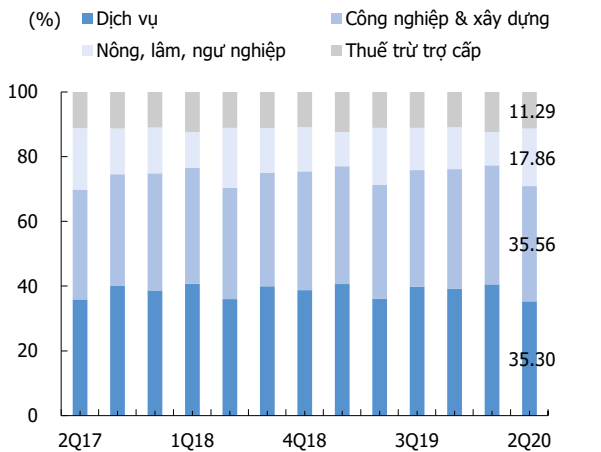
Hình 2. Tăng trưởng GDP thực và dự báo



Nguồn: KIS, GSO

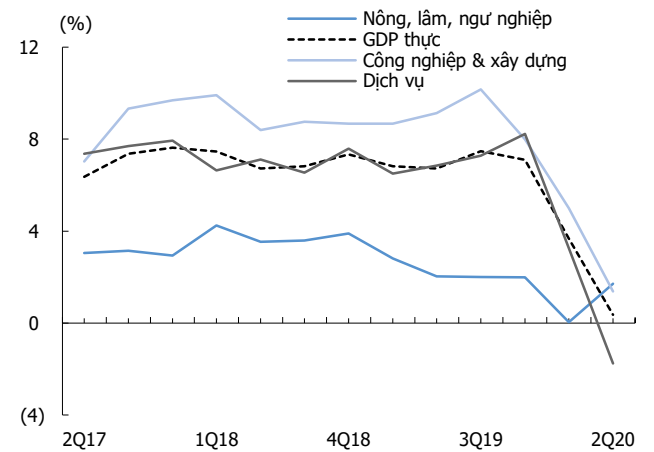
Theo cơ cấu ngành, một số hoạt động kinh tế trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp & xây dựng (I&C) tiếp tục lao dốc trong khi ngành nông, lâm, thủy sản (AFF) chỉ tăng nhẹ trong kỳ này. Cụ thể hơn, I&C giảm tốc trong 2 quý liên tục, chỉ tăng 1.38% n/n trong quý 2, thấp hơn 3.62% so với quý 1. Dữ liệu của ngành dịch vụ, lĩnh vực bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi khủng hoảng đại dịch, có phần xấu hơn khi ghi nhận mức điều chỉnh 1.76% n/n. AFF là điểm sáng hiếm hoi khi tăng 1.76% n/n. Về mặt tỷ trọng, với kết quả tích cực trong quý 2, tỷ trọng đóng góp của AFF vào GDP chung tăng lên 17.86%, trong khi I&C và dịch vụ lần lượt giảm tỷ trọng xuống còn 35.56% và 35.30%.

Hình 3. Cơ cấu GDP



Nguồn: KIS, Bloomberg

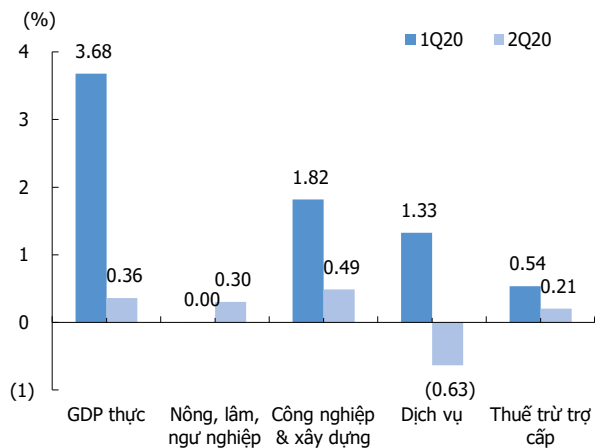
Hình 4. Tăng trưởng theo ngành



Nguồn: Asian Development Bank. ADO2020 (tháng 04/2020)

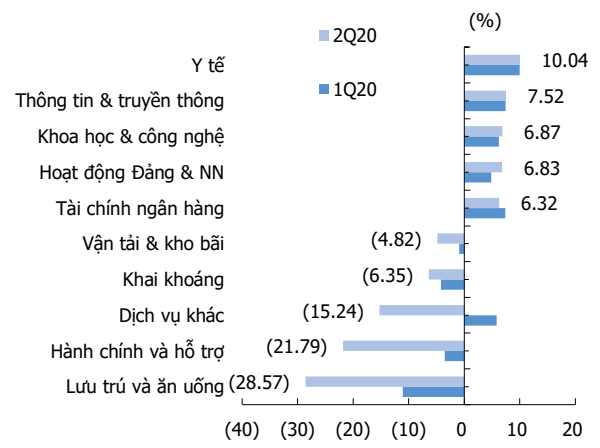
Về các phân ngành, lĩnh vực y tế, thông tin và truyền thông (Inform&Com), khoa học và công nghệ (Sci&Tech), hoạt động của Đảng và Nhà nước, và tài chính, ngân hàng và bảo hiểm ghi nhận mức tăng ổn định ở mức 10.04% n/n, 7.52% n/n, 6.87% n/n, 6.83% n/n, và 6.32% n/n. Ngược lại, lĩnh vực vận tải & kho bãi (T&S), khai khoáng (M&Q), hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ (Admin&Support), dịch vụ lưu trú & ăn uống (A&Cs) bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch, khi lần lượt giảm sâu 4.82% n/n, 6.35% n/n, 21.79%, và 28.57% n/n.

Hình 5. Đóng góp từng ngành vào GDP



Nguồn: KIS, GSO

Hình 6. Tăng trưởng theo phân ngành

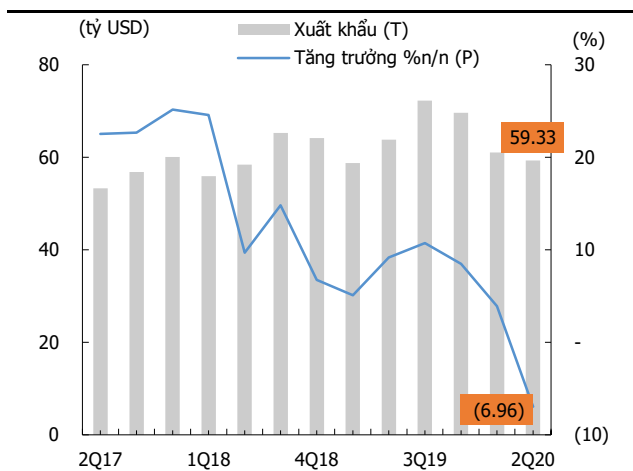


II. Hoạt động thương mại chậm lại đà giảm

Thương mại lao dốc nhưng kỳ vọng phục hồi sắp tới

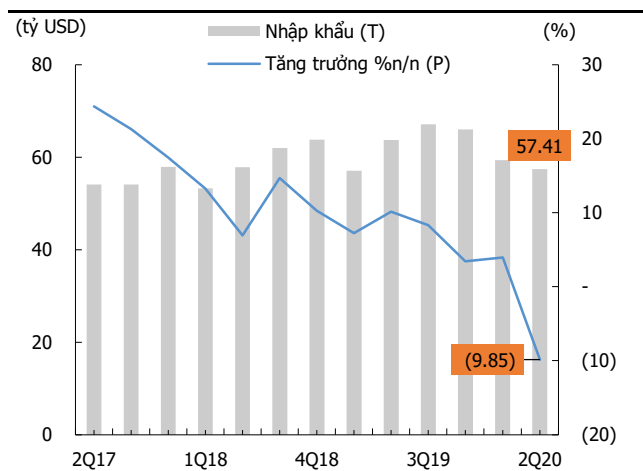
Theo con số ước tính mới nhất của GSO, do không tránh khỏi ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng, hoạt động thương mại lao dốc trong 2Q20 khi đạt chỉ 114.97 tỷ USD tương ứng mức giảm 9.80% n/n, trong đó xuất khẩu chỉ đạt 57.77 tỷ USD, giảm 9.41% n/n, trong khi nhập khẩu ghi nhận 57.20 tỷ USD, giảm 10.18% n/n.

Hình 7. Xuất khẩu theo quý



Nguồn: KIS, GSO

Hình 8. Nhập khẩu theo quý

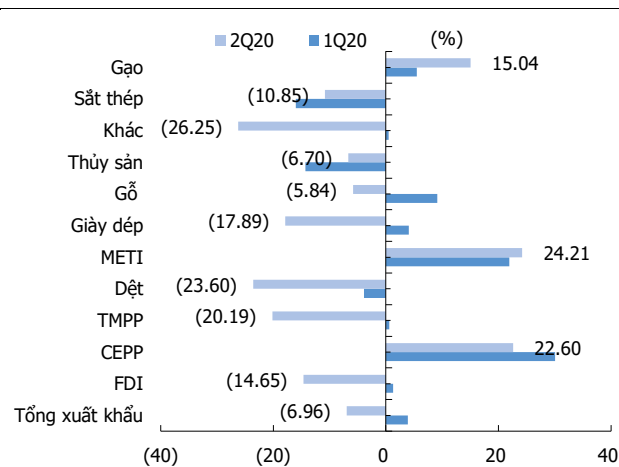


Nguồn: KIS, GSO

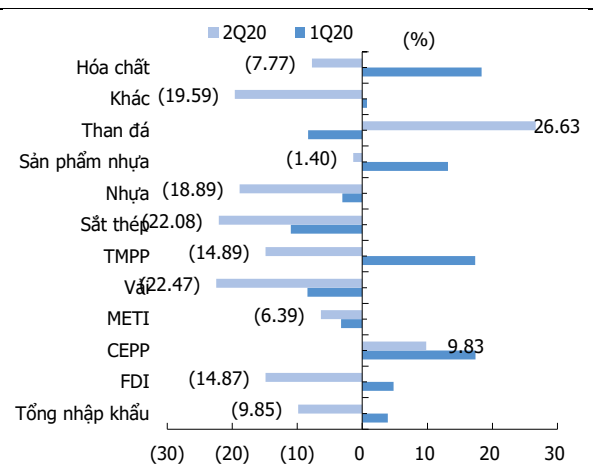
Trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, hầu hết các sản phẩm đều ghi nhận mức giảm so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, xuất khẩu điện thoại di động & linh kiện (TMPP), dệt may (Textiles), giày dép, gỗ & sản phẩm gỗ (W&Wprod), và thủy sản giảm 29.99% n/n, 31.14% n/n, 18.54% n/n, 16.86% n/n, và 18.78% n/n, lần lượt kéo tăng trưởng chung xuống 508 điểm, 426 điểm, 145 điểm, 69 điểm, và 65 điểm. Về phía ngược lại, xuất khẩu máy vi tính & linh kiện điện tử (CEPP), máy móc & thiết bị (METI) tăng 9.60% n/n và 16.32% n/n. Tổng 2 nhóm này đóng góp 240 điểm vào tăng trưởng xuất khẩu chung, góp phần giúp hoạt động xuất khẩu không sụt giảm nghiêm trọng.

Tương tự, hầu hết các sản phẩm nhập khẩu cũng giảm mạnh. Cụ thể, nhập khẩu vải, TMPP, sắt thép (I&S), và nhựa giảm sâu 19.82% n/n, 23.45% n/n, 25.89% n/n, và 30.38% n/n, khiến tổng nhập khẩu giảm 117 điểm, 106 điểm, 109 điểm, và 108 điểm. Nhập khẩu nhóm CEPP và METI giảm ít hơn, chỉ 3.04% n/n và 5.41% n/n, kéo nhập khẩu chung xuống 56 điểm và 76 điểm.

Hình 9. Top 10 sản phẩm xuất khẩu



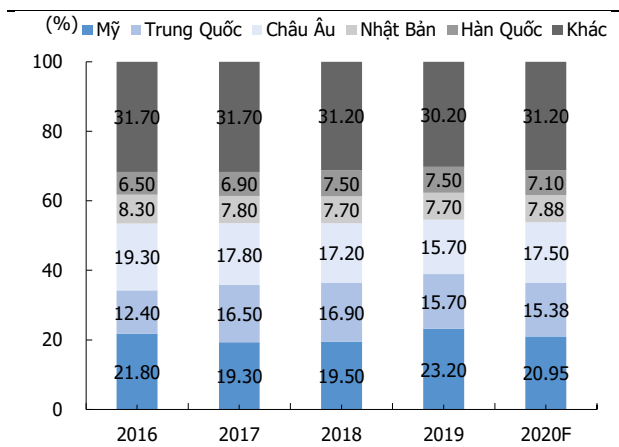
Hình 10. Top 10 sản phẩm nhập khẩu



Nguồn: KIS, GSO
 TMPP: Điện thoại di động & linh kiện, CEPP: Máy tính & linh kiện điện tử, METI: Máy móc & thiết bị,

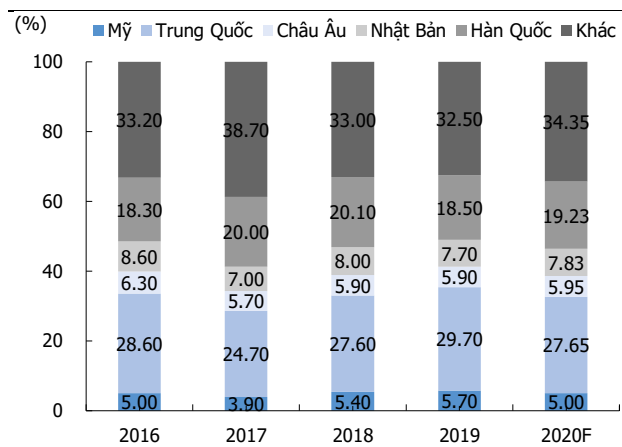
DỰ BÁO:

Hình 11. Các đối tác xuất khẩu chính



Nguồn: KIS, GSO

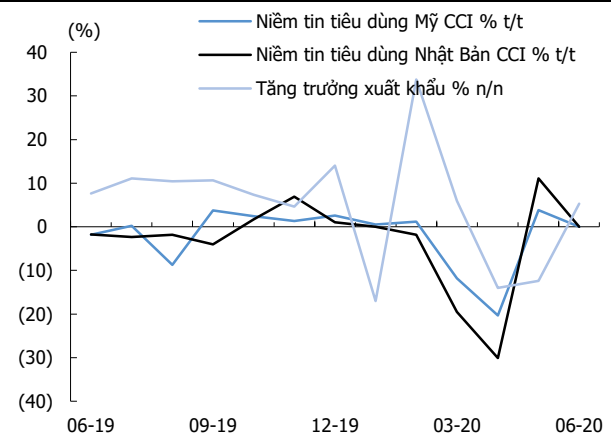
Hình 12. Các đối tác nhập khẩu chính



Nguồn: KIS, GSO

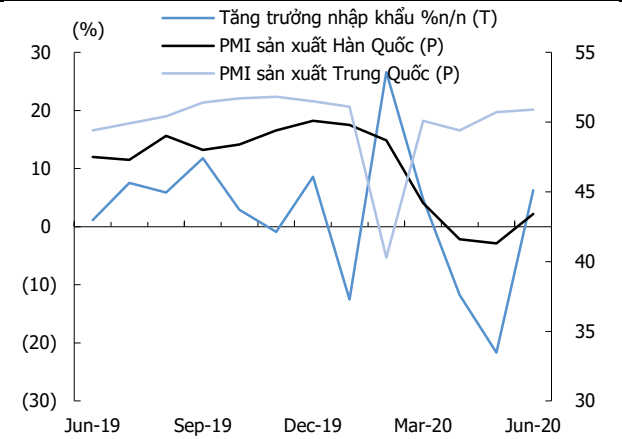
- Hoạt động thương mại có thể tích cực hơn sắp tới khi một số chỉ báo kinh tế của các đối tác thương mại lớn được cải thiện đáng kể.
- Làn sóng mở cửa kinh tế đang được tiếp tục trên toàn cầu, đặc biệt tại Mỹ, Châu Âu, và Nhật Bản, giúp nhu cầu tiêu thụ tiếp tục được cải thiện, sẽ góp phần lớn trong việc cải thiện xuất khẩu.
- Trong khi đó, hoạt động sản xuất cũng báo hiệu đang phục hồi nhanh ở một số đối tác xuất khẩu lớn đến Việt Nam như Trung Quốc và Hàn Quốc.

Hình 13. Niềm tin tiêu dùng ở các thị trường xuất khẩu chính



Nguồn: KIS, Bloomberg

Hình 14. Chỉ số sản xuất công nghiệp ở các thị trường nhập khẩu chính

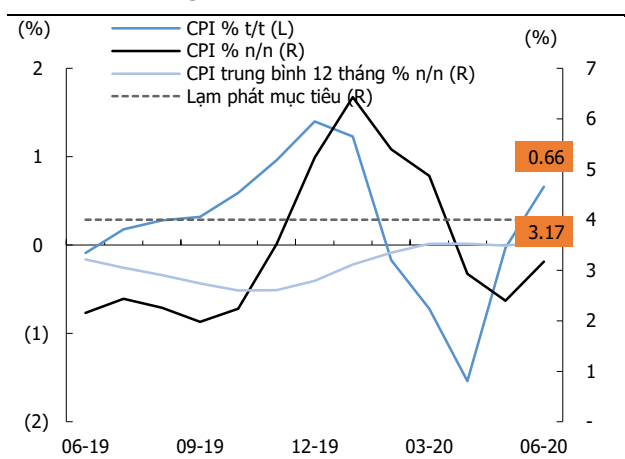


Nguồn: KIS, Bloomberg

III. Giá năng lượng thúc đẩy CPI tăng trở lại

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 6 ghi nhận mức tăng đầu tiên 0.66% t/t kể từ tháng 2 đầu năm, nhờ vào việc tăng mạnh của giá xăng dầu nội địa gần đây. So với cùng kỳ năm 2019, CPI tăng 3.17% n/n, trong khi CPI trung bình 12 tháng đang ở mức 3.17% n/n, thấp hơn 43 điểm so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ.

Hình 15. CPI tháng 6



Nguồn: GSO, KIS

Bảng 1. CPI theo ngành

Nhóm ngành	Tỷ trọng (%)	% t/t	% n/n
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36.12	0.44	12.46
Đồ uống và thuốc lá	3.59	0.09	1.46
May mặc, mũ nón, giày dép	6.37	0	0.68
Nhà ở và vật liệu xây dựng	15.73	-0.42	0.16
Thiết bị và đồ dùng gia đình	7.31	0.07	1.22
Thuốc và dịch vụ y tế	5.04	0.01	3.37
Giao thông	9.37	6.05	-17.3
Bưu chính viễn thông	2.89	-0.04	-0.51
Giáo dục	5.99	0	4.64
Văn hóa, giải trí và du lịch	4.29	-0.01	-1.62
Hàng hóa và dịch vụ khác	3.3	0.19	3.31
Chỉ số giá tiêu dùng		0.66	3.17

Nguồn: GSO, KIS

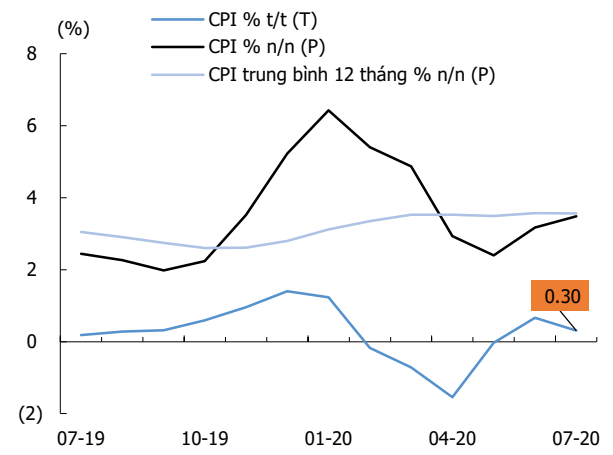
So với tháng 5, giá xăng E5RON92 tăng mạnh 14.97% t/t, cũng như các sản phẩm xăng dầu khác, là nguyên nhân chính khiến giá lĩnh vực giao thông tăng mạnh 6.05% t/t, gián tiếp khiến CPI chung tăng 57 điểm.

Bên cạnh đó, giá thực phẩm tiếp tục tăng 0.72% t/t mặc dù giá thịt lợn giảm 14.20% t/t. Phần lớn mức tăng trong giá thực phẩm là do việc giá rau củ và thủy sản gia tăng trong tháng. Ngoài ra, giá cả nhóm ăn uống ngoài gia đình cũng tăng 0.15% t/t. Ngược lại, nhóm lương thực giảm tháng thứ 2 liên tiếp ở

mức 0.4% t/t. Theo đó, giá của nhóm ngành lương thực và thực phẩm (FaF) tăng 0.44% t/t, góp 16 điểm vào mức tăng CPI tháng.

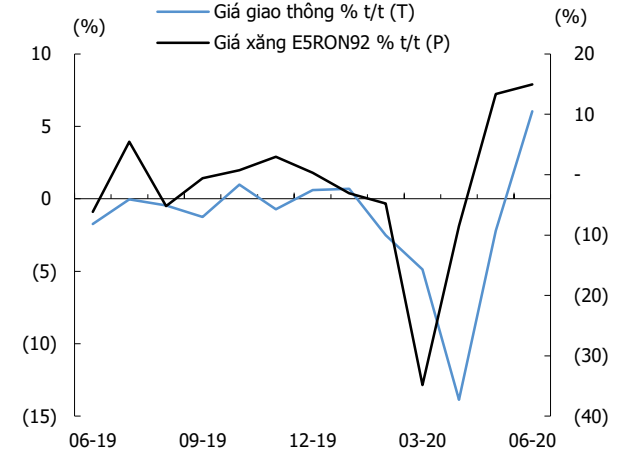
Do giá điện gần đây giảm, giá cả nhóm nhà ở & vật liệu xây dựng (HCM) giảm 0.25% t/t, làm CPI tháng giảm 7 điểm.

Hình 16. Dự báo CPI



Nguồn: KIS, Bloomberg

Hình 17. Giá xăng dầu và giá ngành giao thông



Nguồn: KIS, Bloomberg

DỰ BÁO:

Theo quan điểm của chúng tôi, việc nhu cầu tiêu thụ hàng hóa cải thiện sẽ phần nào thúc đẩy CPI gia tăng trong thời gian tới.

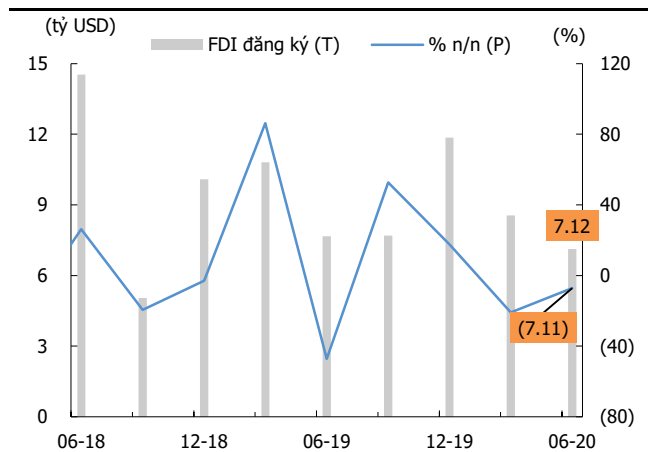
- Giá xăng dầu có thể tiếp tục gia tăng theo đà tăng của giá dầu thô thế giới, phần nào tạo áp lực tăng giá cho nhóm giao thông.
- Giá heo có dấu hiệu tăng trở lại trong giai đoạn gần đây, sẽ tạo đà tăng trở lại lên nhóm thực phẩm.

IV. Điểm sáng của FDI trong 2Q20

Nhìn chung, hoạt động đầu tư FDI trong quý 2 vẫn trì trệ khi mà các nhà đầu tư ngoại gặp nhiều khó khăn trong các quy định hạn chế nhập cảnh. Tuy nhiên, ít nhất đã có những thay đổi đáng kể trong niềm tin của các nhà đầu tư ngoại về tiềm năng phát triển của kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong một số lĩnh vực cụ thể, so với các thị trường khác sau cuộc khủng hoảng này.

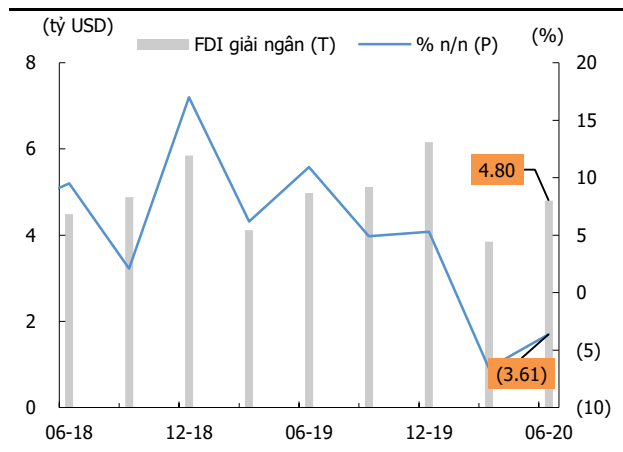
Tính đến quý 2, FDI đăng ký giảm tương đối 7.11% n/n, đạt mức 7.12 tỷ USD, trong khi con số giảm ngân bắt đầu phục hồi đáng kể vào tháng 6, kéo tăng trưởng FDI giải ngân 2Q20 chỉ giảm 3.61% n/n, đạt 4.8 tỷ USD.

Hình 18. FDI đăng ký



Nguồn: KIS, FIA, FiinPro

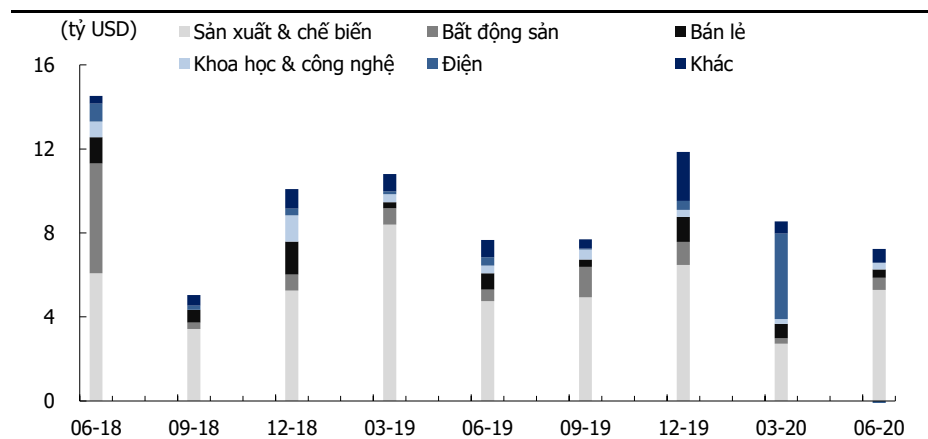
Hình 19. FDI giải ngân



Nguồn: KIS, FIA, Fiinpro

Điểm sáng trong kỳ này là việc phục hồi mạnh trong lĩnh vực sản xuất và chế biến đã thu hút dòng vốn FDI vào ngành này tăng lên đáng kể. Cụ thể, FDI đăng ký vào ngành sản xuất và chế biến tăng gần gấp đôi so với con số 1Q20, đạt 5.28 tỷ USD, chiếm 74% trong tổng số FDI đăng ký. Trong khi đó, FDI đăng ký vào ngành bất động sản bắt đầu tăng tốc sau quý 1 chậm chạp, đạt 0.59 tỷ USD. Tuy nhiên, FDI vào ngành bán lẻ, ngành bị tác động mạnh bởi đại dịch, vẫn còn đang chậm khi chỉ đạt 0.4 tỷ USD, giảm gần phân nửa so với cùng kỳ.

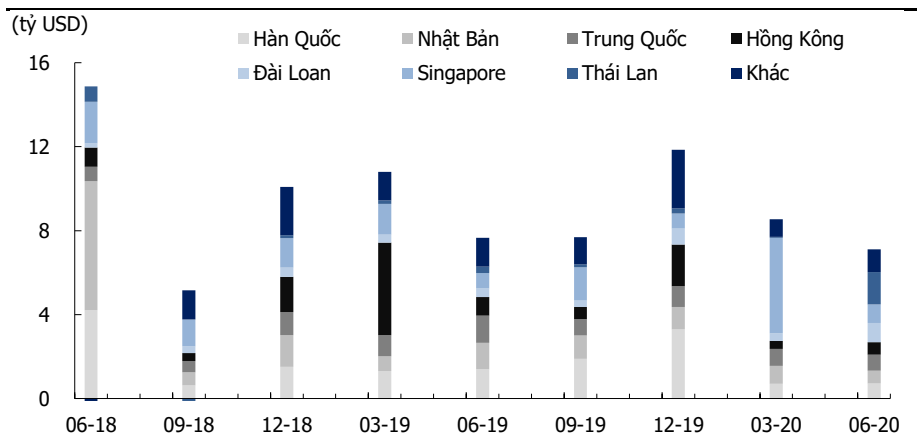
Hình 20. Các nhóm ngành chính



Nguồn: KIS, FIA, Fiinpro

Trong khi đó, khoảng 85% tổng FDI đăng ký trong kỳ này đến từ các đối tác đầu tư lớn ở khu vực Châu Á, bao gồm Thái Lan, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông, và cuối cùng là Nhật Bản, được sắp xếp theo tỷ trọng giảm dần. Thái Lan là đối tác đầu tư lớn nhất trong kỳ với 1.54 tỷ USD, nhờ vào việc gia tăng 1.4 tỷ USD vốn đăng ký đầu tư thêm vào dự án liên hợp hóa dầu Long Sơn. Đài Loan và Singapore cũng mở rộng đầu tư đáng kể khi vốn FDI đăng ký đạt 0.92 tỷ USD và 0.89 tỷ USD. Ngược lại, các đối tác đầu tư quan trọng trong những năm gần đây là Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn tiếp tục im lặng trong kỳ này.

Hình 21. Các đối tác đầu tư chính



Nguồn: KIS, FIA, Fiinpro

DỰ BÁO:

Dữ liệu trong 2Q20 cho thấy các lĩnh vực tăng trưởng vững chắc đang thu hút dòng vốn ngoại kể cả với những hạn chế trong việc nhập cảnh quốc tế vào Việt Nam và kinh tế tăng trưởng chậm lại đáng kể.

Những con số vĩ mô vào cuối quý 2 cho thấy ngành sản xuất và chế biến và bán lẻ đang phục hồi nhanh và mạnh, trong khi triển vọng lĩnh vực bất động sản cũng có thể tốt hơn trong nửa cuối năm nay. Nhìn về cho 3Q20, có cơ sở để kì vọng rằng dòng vốn FDI sẽ bắt đầu tăng tốc, đặc biệt nhắm vào những lĩnh vực đã đề cập.

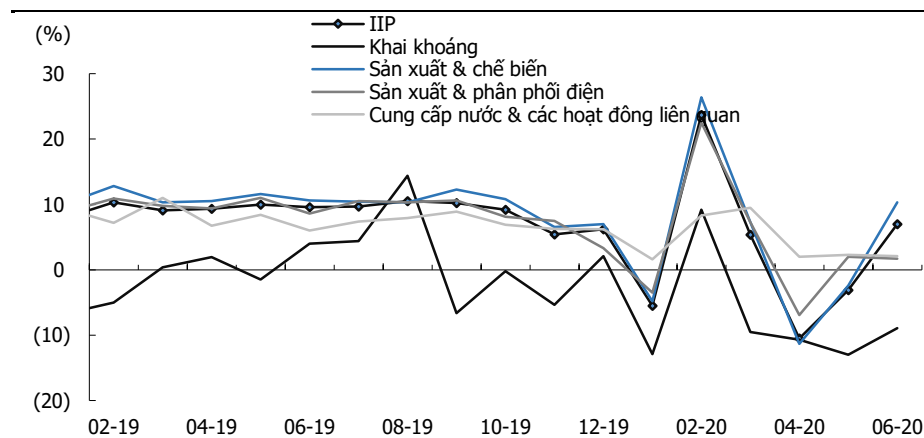
Bên cạnh đó, với những động thái gần đây từ các nhà chức trách Việt Nam, rất có thể chính phủ sẽ từng bước cho phép mở cửa lại nhập cảnh quốc tế trong thời gian gần, đồng nghĩa nền kinh tế sẵn sàng mở cửa đón nguồn vốn FDI trở lại.

V. Lĩnh vực sản xuất xuất khẩu thúc đẩy IIP

Trong tháng 6, sự phục hồi của ngành sản xuất công nghiệp tốt hơn nhiều so với kỳ vọng của chúng tôi khi các lĩnh vực sản xuất quan trọng tăng ngược trở lại, thậm chí một số còn ghi nhận mức tăng trưởng cao hơn trước khủng hoảng nhờ vào việc mở cửa hoàn toàn các hoạt động kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Dường như áp lực giảm từ nhu cầu tiêu thụ yếu ở các thị trường xuất khẩu quan trọng đã được giải quyết phần nào khi mà các ngành sản xuất xuất khẩu là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng IIP trong tháng này.

Cụ thể, chỉ số IIP tăng trở lại ấn tượng 6.99% n/n sau khi giảm sâu trong tháng 4 và phục hồi nhẹ trong tháng 5. Con số tăng trưởng ấn tượng này chủ yếu nhờ vào tăng trưởng 10.26% n/n của ngành sản xuất chế biến. Bên cạnh đó, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1.72% n/n, trong khi ngành cung cấp nước và các hoạt động liên quan tăng 2.07% n/n. Ngược lại, ngành khai khoáng tiếp tục giảm mạnh tháng thứ 4 liên tiếp ở mức 8.86% n/n

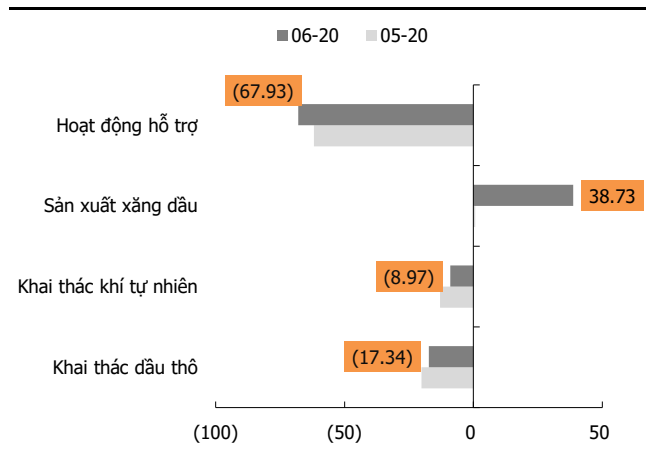
Hình 22. Sản xuất công nghiệp theo ngành (% n/n)



Nguồn: KIS, GSO, Fiinpro

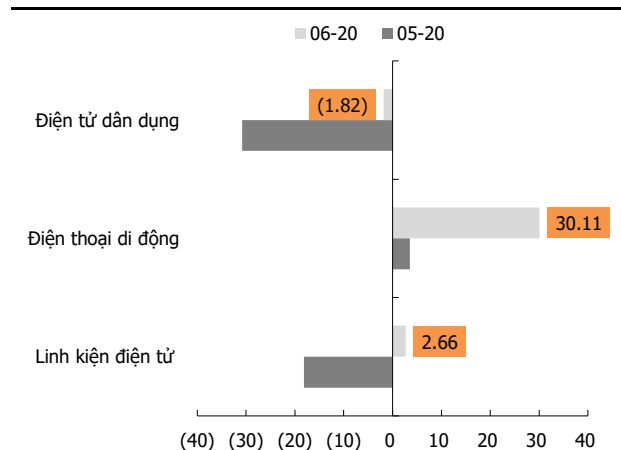
- Việc suy thoái kéo dài trong ngành năng lượng tiếp tục đẩy ngành khai khoáng xuống trong tháng. Cụ thể, khai thác dầu thô và khí tự nhiên lần lượt giảm 17.34% n/n và 8.97% n/n. Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ lĩnh vực khai thác năng lượng gần như đóng băng, ghi nhận tháng thứ 3 liên tiếp giảm hơn phân nửa so với cùng kỳ.
- Các ngành sản xuất xuất khẩu, bao gồm dệt, may mặc, giày dép, cũng như sản xuất máy vi tính & điện thoại & linh kiện điện tử, ghi nhận mức tăng mạnh trong tháng nhờ vào nhu cầu toàn cầu gia tăng. Đáng chú ý nhất là sản xuất điện thoại di động và linh kiện tăng 30.11% n/n, là mức tăng tương tốt nhất trong những ngành gần đây, trong khi sản xuất thiết bị điện tử cũng tăng 2.66% n/n sau khi liên tiếp giảm sâu trong tháng 5 và tháng 6. Trong khi đó, sản xuất các ngành dệt, may mặc, và giày dép gần như về mức trước khủng hoảng chỉ sau 2 tháng khi tạo đáy vào tháng 4, lần lượt tăng 9.09% n/n, 4.95% n/n, và 0.75% n/n.
- Bên cạnh đó, các ngành sản xuất các nguyên liệu phục vụ lĩnh vực xây dựng, bao gồm khai thác quặng sắt, sản xuất sắt thép, xi măng, đều tăng đáng kể trong tháng.

Hình 23. Ngành năng lượng (% n/n)

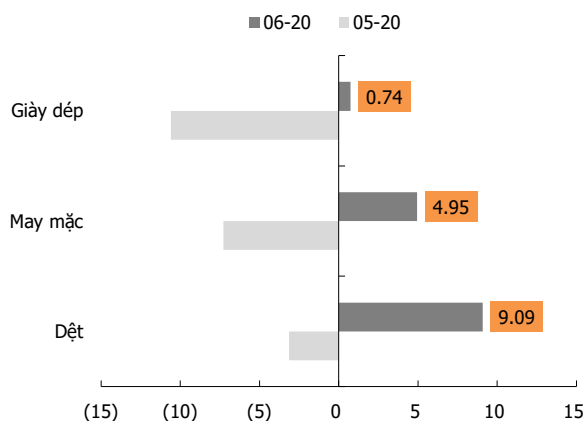


Nguồn: KIS, FIA, FiinPro
Hoạt động hỗ trợ: hoạt động hỗ trợ khai thác dầu kh

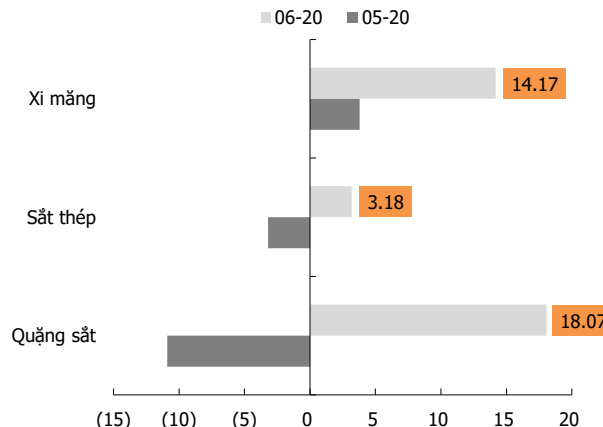
Hình 24. Ngành điện tử (% n/n)



Nguồn: KIS, FIA, Fiinpro

Hình 25. Ngành dệt may và giày dép (% n/n)

Nguồn: KIS, FIA, FiinPro

Hình 26. Ngành xây dựng (% n/n)

Nguồn: KIS, FIA, FiinPro

DỰ BÁO:

Hướng tới tháng 7 và 3Q20, theo quan điểm của chúng tôi, ngành sản xuất công nghiệp vẫn có tiềm năng duy trì đà tăng trưởng. Khi các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đang hồi hả bình thường hóa hoạt động kinh tế, các ngành sản xuất xuất khẩu sẽ tiếp tục hưởng lợi trực tiếp trong bối cảnh này.

Hơn thế nữa, các con số đầu tư công, tập trung vào xây dựng nâng cấp hạ tầng, đã và đang bắt đầu tăng từ cuối 2Q20 theo chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, sẽ tạo cơ hội tăng trưởng đáng kể đến các ngành sản xuất liên quan như sắt thép, xi măng.

Đáng chú ý, theo một số dữ liệu từ các báo cáo của GSO, lượng tiêu thụ xăng dầu nội địa đang tăng mạnh vào tháng 6 cũng như sản lượng sản xuất xăng dầu đang tăng trở lại trong tháng này có thể được xem là chỉ báo sớm đáng tin cậy cho sự phục hồi trong các lĩnh vực khai thác năng lượng.

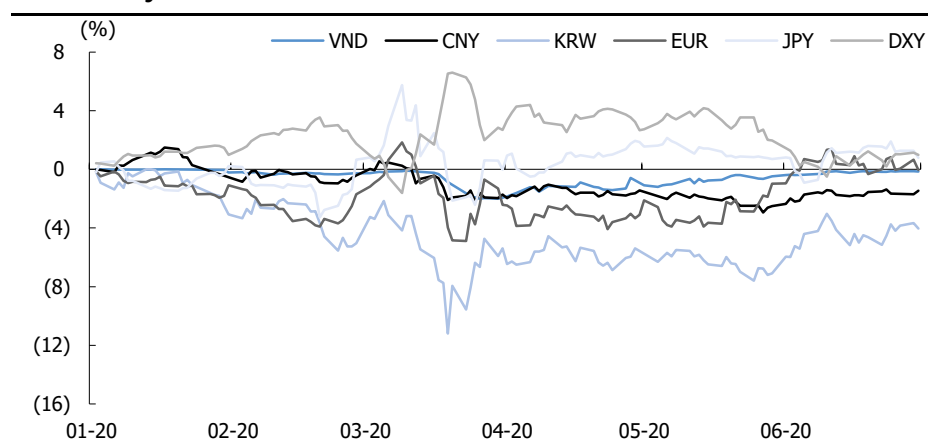
Một vấn đề đáng chú ý khác là sản lượng sản xuất sản phẩm máy vi tính, điện thoại di động và linh kiện tăng trưởng cao khá bất thường trong quý 3 năm trước, về mặt kỹ thuật có thể là yếu tố kiềm hãm tăng trưởng của lĩnh vực này trong các tháng sắp tới.

Cuối cùng, dựa vào các dữ liệu có liên quan hiện có, chúng tôi dự báo tăng trưởng IIP trong tháng 7 sẽ nằm ở mức 2% n/n – 5% n/n.

VI. USD tiếp tục lao dốc

Trong tháng 6, đồng USD tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp với đà giảm gia tăng khi mà tình hình kinh tế trên toàn cầu đang cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, số liệu trong tháng cho thấy vẫn có những lo ngại từ các nhà đầu tư về rủi ro triển vọng phục hồi đối với kinh tế toàn cầu đã ngăn đà giảm sâu của USD. Kết quả, các đồng tiền của các đối tác thương mại và đầu tư lớn của Việt Nam lần VND đều tăng giá so với USD.

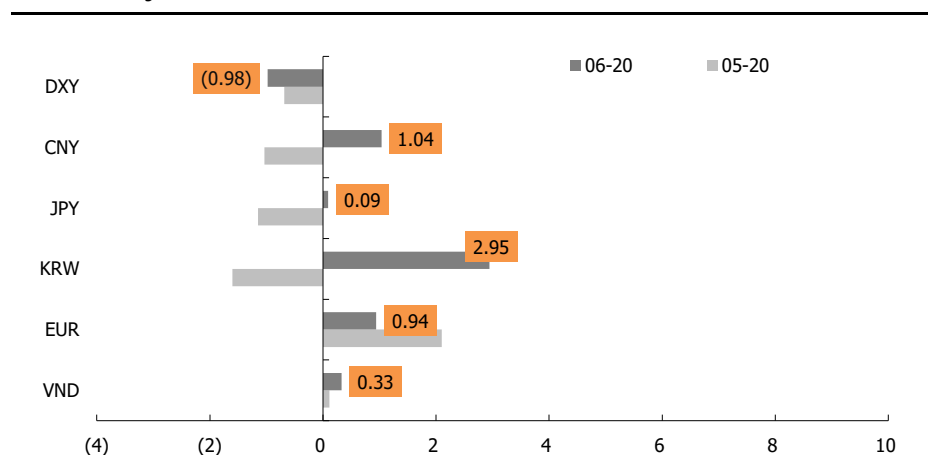
Hình 27. Thay đổi % YTD VND, CNY, KRW, EUR, JPY, và DXY



Nguồn: KIS, Bloomberg

Đáng chú ý nhất, đồng KRW tăng mạnh trở lại 3% t/t. Theo sau đó là đồng CNY và EUR tăng 1.04% t/t và 0.94% t/t. VND tiếp tục tăng tháng thứ 3 liên tiếp ở mức 0.33% t/t, trong khi JPY chỉ tăng không đáng kể 0.09% t/t sau khi giảm mạnh 1.15% t/t trong tháng 5. Ngược lại, đồng bạc xanh mất 0.98%, thậm chí xuống dưới mức trước khủng hoảng.

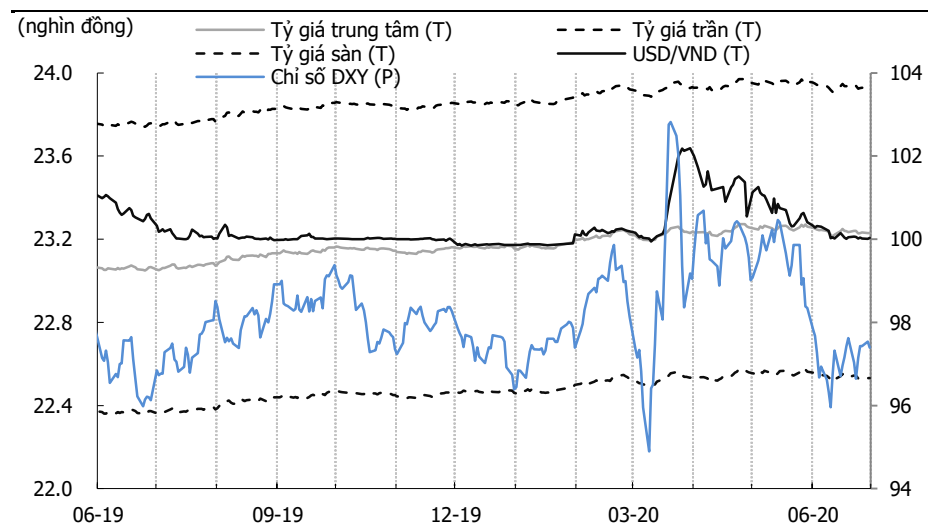
Hình 28. Thay đổi % t/t VND, CNY, KRW, EUR, JPY, và DXY



Nguồn: KIS, Bloomberg

Trong khi đó, dao động của tỷ giá USD/VND duy trì ở mức thấp trong tháng so với giai đoạn trước đây, khi mà chênh lệch giá thấp nhất – cao nhất trong tháng chỉ 63 đồng, trong khoảng 23,202 – 23,265 đồng, cho thấy tỷ giá USD/VND đang ở mức ổn định ở thời điểm hiện tại. Thêm vào đó, tỷ giá USD/VND giao dịch trên thị trường liên ngân hàng nằm bên dưới tỷ giá trung tâm vào cuối tháng 6, có thể hàm ý nhu cầu nội địa đối với USD đang thấp.

Hình 29. USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: KIS, Bloomberg

DỰ BÁO:

Theo quan điểm của chúng tôi, VND rất có thể sẽ không thấy bất cứ thay đổi nào trong tháng 7 khi mà các chỉ báo dao động của USD/VND đang ở mức rất thấp, trong khi riêng đồng USD có thể rớt giá thêm.

Bên cạnh đó, trong khi các đồng tiền của các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam tăng đáng kể so với USD và kể cả với VND, chúng tôi kỳ vọng yếu tố này sẽ tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu trong 3Q20.

VII. Ngân sách thâm hụt nửa đầu năm

Theo ước tính của GSO, tính đến ngày 15 tháng 6, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 607.1 nghìn tỷ đồng, tương đương 40.1% kế hoạch năm. Trong đó, thu nội địa đạt 503.8 nghìn tỷ đồng, đạt 39.9% kế hoạch, trong khi thu từ khai thác dầu thô và các hoạt động xuất nhập khẩu lần lượt đạt 20.2 nghìn tỷ và 82.8 nghìn tỷ, tương đương 57.5% và 39.8% kế hoạch.

Bên cạnh đó, tổng chi ngân sách trong 1H20 ước tính đến 676.2 nghìn tỷ, tương đương 38.7% kế hoạch. Cụ thể, chi thường xuyên ghi nhận 475.1 nghìn tỷ, đạt 45% kế hoạch, chi đầu tư và phát triển đạt 140.3 nghìn tỷ, tương ứng 29.8% kế hoạch, và cuối cùng là chi trả lãi vay đạt 56.4 nghìn tỷ, đạt 47.8% kế hoạch.

Trong nửa đầu năm 2020, ngân sách nhà nước ghi nhận mức thâm hụt 69.1 nghìn tỷ đồng.

Bảng điểm vĩ mô

(Tỷ USD, USD, %, % n/n)

	01-20	02-20	03-20	04-20	05-20	06-20	3Q19	4Q19	1Q20	2Q20	2016	2017	2018	2019
Tăng GDP thực			3.82			0.36	7.31	6.97	3.82	0.36	6.21	6.81	7.08	7.03
FDI đăng ký	5.33	1.14	2.08	3.78	1.55	1.79	7.66	11.86	8.55	7.12	20.95	35.88	35.47	38.02
GDP bình quân											2,172	2,353	2,551	2,730
Tỷ lệ thất nghiệp											2.33	2.21	2.21	2.25
Xuất khẩu	19.00	18.60	19.30	17.60	18.50	21.00	72.22	68.83	56.9	59.2	176.6	215.1	243.5	263.6
Nhập khẩu	19.10	18.50	18.60	18.52	19.40	20.50	67.14	66.51	56.2	60.3	175.0	213.2	236.7	254.4
Tăng trưởng XK	(13.93)	33.76	5.93	(19.98)	(15.50)	(2.00)	10.72	7.29	(3.13)	(5.31)	8.99	21.82	13.19	8.16
Tăng trưởng NK	(10.16)	26.08	4.71	(11.77)	(15.90)	5.16	8.30	4.22	(1.59)	(7.17)	5.55	21.85	11.01	7.41
Lạm phát	6.43	5.40	4.87	2.93	2.40	3.17	2.23	2.79	3.53	3.57	2.66	3.53	3.54	2.79
VND/USD	23,223	23,231	23,637	23,309	23,282	23,206	23,203	23,173	23,637	23,206	22,761	22,698	23,175	23,173
Tăng trưởng TD	0.10	0.17	1.30	1.42	1.20	2.80	9.40	13.70	0.68	2.80	18.25	18.24	13.89	13.70
TPCP 10 năm	2.88	2.81	3.24	2.90	3.07	3.07	4.07	3.37	3.24	3.07	6.23	5.14	5.07	3.37

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2020 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TDL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Báo cáo này được thực hiện bởi CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này. Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, những người sẽ tự đưa ra quyết định đầu tư mà không phụ thuộc quá mức vào báo cáo này và công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của báo cáo.

Bản quyền © 2020 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.